

# VỤ BẮC SỨ NĂM CẢNH - THÌN ĐỜI CẢNH - HƯNG

với LÊ QUÍ-ĐÔN và bài trình bằng văn nô-m

---

■ HOÀNG-XUÂN-HÃN

## NHIỆM-VỤ SỨ-BỘ.

Ngày 28 tháng giêng năm Cảnh-hưng thứ 21, là năm canh-thìn (1760), đúng giờ Thìn (9 giờ sáng), sứ-bộ vượt sông Nhị, từ bến Hàng Bè thẳng sang làng Ái-mộ, đề lên đường đi sứ nước Đại-thanh. Đó là một thịnh-sự đang thời, cách sáu năm mới có một lần, và cũng là cái mộng tột cao của kẻ nho-gia văn-sĩ. Huống chi trong sứ-bộ lần này có vị phó-sứ rất trẻ tuổi mà tài-hoa đang nổi rộ khắp kinh kì. Ấy là ông bång-nhân LÊ QUÍ-ĐÔN bấy giờ mới bẩy ba tuổi. Tuổi trẻ chừng ấy mà ông được dự phần thay mặt vua Lê đối với Thiên-quốc; đó là bởi tài văn-chương, trí mẫn-tiếp của ông. Lại thêm có óc rất khoa-học, ông đã ghi chép tường-tận tất cả mọi sự xảy ra từ khi mở được đề-cứ cho đến khi xong sứ-dịch trở về. Nhờ sách *Bắc-sứ thông lục* (北使通錄) của ông, nay còn lại nửa phần (1), mà ta được biết nhiều chi-tiết của một cuộc đi sứ Trung-quốc ngày xưa, và nhất là ta còn có một bài tường-trình đầy-đủ về sứ-dịch bằng nô-m, nó giúp ta biết rõ Việt-ngữ thường dùng giữa thế-kì 18.

Sau đây tôi sẽ dựa vào phần còn lại của sách *Bắc-sứ-thông-lục* (sẽ viết tắt BSTL), các sách *Kiến-văn-tiêu-lục* (KVTL), *Văn-đài-loại-ngữ* (VĐLN) của Lê Quý-Đôn để kể lại việc đi sứ lần này. Đề-bổ-túc phần mà nay tôi chưa được thấy trong BSTL, tôi sẽ dùng sách *Phụng sứ Yên-đài tông ca* (PSYĐ) của Nguyễn Huy-Oánh, là chánh-sứ sứ-bộ 5 năm sau Lê Quý-Đôn, sách mà nay còn bản in từ đời Lê.

### Nhiệm-vụ sứ-bộ

Nhiệm-vụ của cuộc: trường-chinh giòng-giã trong hai năm tròn chỉ để tỏ lòng thần-phục Thiên-triều của một phiên-quốc. Nhưng ta cũng không nên nghĩ rằng vua ta làm vậy bởi có óc phục-tùng nước mạnh. Mục đích chính là muốn tỏ lòng yêu chuộng hòa-bình, muốn được biên-thùy phương bắc yên-ôn. Mục đích khác là cố ý sai những triều-thần văn-sĩ, khiến người Trung-quốc và các phiên-thần khác phải phục tãi và bởi đó kính-trọng dân ta, nhìn nhận nước ta là một nước văn-hiến.

Nói chính-xác hơn thì các phiên-quốc theo lệ từ xưa, hằng năm phải thân châu Thiên-tử và mang theo lễ tiến những *phương-vật*, nghĩa là những vật quý ở địa-phương. Lễ ấy gọi là *lễ tuế-cống*. Thật-tiến thì các vua chư hầu phần lớn đã viện nhiều lễ để khỏi thân hành và thường chỉ sai sứ-thần đi thay thế.

Nước ta xa kinh-đô Trung-quốc. Đường đi lại dài, khó. Cho nên từ đời Minh (Hồng-vũ thứ bảy, 1374) đã đặt lệ *tam niên nhất cống* (2), nghĩa là cứ ba năm mới phái sứ bộ sang châu. Tuy rằng sau đó có Hồ diệt Trần, Minh chiếm Việt, Lê bại Minh, nhưng năm Tân-Hợi, 1431, Lê Lợi cũng xin theo lệ tam niên nhất cống. Dầu rằng trong suốt thế-kì thứ 16, chính-biến xảy ra rất lớn trên đất Trung và Việt, nhưng lệ tam niên nhất cống thỉnh thoảng lại được chấp nhận: đời Minh Gia-tĩnh thứ 19 (1540) Mạc Đăng-Dung hàng Minh, được phong chức An-nam đô-thống và giữ lệ ba năm cống một lần (*Minh-sử*, An-nam

truyện). Sau khi Thanh diệt Minh trị vì Trung-quốc, Vua Khang-hi cũng định lệ tam niên nhất cống (Đại Thanh Hội-diên, Khang-hi thứ 2, 1663).

Từ khi kinh-đô Trung-quốc dời lên Bắc-kinh, đường đi cống lại càng dài, đi về xấp-xỉ hai năm. Năm Khang-hi thứ bảy (1668), theo lời thỉnh-cầu của sứ-bộ ta, lệ tuế-cống lại được đổi ra lệ lục niên lượng cống, nghĩa là lễ cống vẫn cứ ba năm nộp một lễ, nhưng lễ-vật hai kì dồn làm một và chỉ cần sai sứ sáu năm một lần đi tiến mà thôi (Đại Thanh Hội-diên). Thật ra trước đó, cũng đã có lần vì loạn-li trong nước, cho nên sự tuế cống không theo được lệ tam niên nhất cống, cho nên đã dồn lại sáu năm mới cống một lần (Mạc Diên-thành thứ bảy, 1584, Minh Vạn-lich thứ mười hai). Có lẽ Minh đã chấp nhận lệ ấy từ lúc ấy.

Tuy chu-kì thay đổi, những lễ cống vẫn gọi là tuế cống. Sứ-bộ Canh-thìn này (1760) có nhiệm-vụ chính là đem tiến hai lễ tuế-cống thuộc năm Thanh Càn-long thứ 21 (1756) và thứ 24 (1759).

Lễ-vật bấy giờ cũng không thật là phương-vật như tê-giác, ngà voi, hoa quả (2) như trong các thời-kì hoặc triều-đại trước. Mỗi một lễ tuế-cống «tam niên» chỉ gồm có (BSTL): 21 nén vàng, 69 nén bạc, 960 lượng trầm-hương và 2368 lượng tốc-hương. Trầm-hương là thứ gỗ đốt thơm, nặng, khi bỏ vào nước thì chìm; tốc-hương có lẽ nhẹ hơn và cháy chóng tàn hơn, nhưng cũng cùng loại với trầm-hương. Biết rằng mỗi nén bằng mười lượng, mỗi lượng bằng 39,05 gam (theo tự-vị Genibrel), thì ta thấy rằng mỗi lễ tuế-cống gồm chừng 8,2 kilo vàng, 27 kilo bạc, 37,5 kilo trầm-hương và 92,5 kilo tốc-hương. Đối với tư-sản của một nước tuy nhỏ, lễ ấy không lấy gì làm nặng. Mà đối với Trung-quốc, thì chẳng đáng vào đâu. Đó chỉ là cái lễ tượng-trung sự thần-phục của một phiên-quốc. Mỗi lễ đề riêng trong bốn hòm: hòm nhỏ đựng vàng và bạc, mộ; hòm lớn đựng trầm-hương, hai hòm lớn khác đựng tốc-hương.

(Xem tiếp trang 142)

# Vụ bắc sứ...

(Tiếp theo trang 5)

Xem vậy, trong một sứ-vụ linh-đình thời ấy, cống-vật chỉ có tám hòm mà thôi, khác hẳn thời trước nào phải đem voi, đem ngựa và rất nhiều vật-liệu khác (2). Chính Minh Thái-tổ tự muốn giảm bớt sự phiền-hà trong cống-vụ, đã định rằng sứ-giã nước ta không quá ba, bốn người, và cống-vật không hậu (*Minh-sử*, An-nam truyện, Hồng-vũ thứ bảy, 1374). Tuy vậy sau khi Lê Lợi bại quân Minh, ta phải « chuộc tội giết đại-tướng Liễu Thăng » bằng cách hằng năm đem cống tượng vàng cao lớn bằng thân Liễu Thăng, mà theo tục-truyền (2) thì y thật là dầy-đà cao lớn đặc-biệt! Nếu Lê Lợi có nhận điều-kiện ấy thật, thì có lẽ không làm trọn một lần nào. (Năm Kì-dậu 1429, một năm sau đình chiến, sai Đào Công-Soạn, Lê Đức-Huy, Phạm Khắc-Phục đi Minh cống « kim ngân khí mãch » — nghĩa là đồ đựng các món ăn bằng vàng bằng bạc — và phương-vật đề cầu phong (Xem *Đại Việt Sử-kí Toàn-thư* quyển 10, trang 71a) và hai năm sau lại sai Nguyễn văn-Huyền và Nguyễn Tông-Chí theo sứ Minh trước đó đã đến giao ấn cho Lê Lợi tạm quyền coi An-nam quốc-sự và bảy giờ trở về; sứ-thần có nhiệm-vụ tạ ơn và xin *bỏ sự cống năm vạn lượng vàng* (1953 kilo), và lại xin cứ theo cống-lệ đời Hồng-vũ thứ ba (ĐVSKTT Q. 10/73b chép như vậy, nhưng có lẽ phải đọc: Hồng-vũ thứ bảy).

Đến năm Minh Gia-tĩnh thứ bảy (1528), Mạc Đăng-Dung lại cống tượng vàng đề Minh tha-thứ tội cướp ngôi Lê (ĐVSKTT Q.15/72b). Về việc cống người vàng đời Lê Lợi, thì có lẽ là để thay thế cho mình vua ta, chứ không phải thay mình Liễu Thăng. Trong *Minh-sử* (An-nam truyện), đoạn chép chuyện vua Lê Duy-Đàm (Thế-tông) sau khi trung-hưng với Nam-quan cống người vàng, có ghi rằng : Trước đó Lê Lợi và Mạc Đăng-Dung tiến « đại thân kim nhân » — nghĩa là người vàng thay mình — thì đều chế hình

đầu tù-nhân còn Lê Duy-Đàm thì chế hình người đang lạy. Trong vụ này, ĐVSKTT chép rõ rằng vua Lê mang theo một trăm cân vàng (62, 48 kilo), một nghìn lạng bạc (39 05 kilo). và sau đó sai đúc một người vàng, một người bạc nặng mỗi thứ mười cân (6,248 kilo). Xem đó thì biết rằng về sau cống-lễ đời Thanh thật là nhẹ. *Đại Thanh Hội-diên* chép rằng đời Khang-hi thứ 22 (1683), định cống-vật có : lò hương và bình hoa bằng vàng bốn đôi, chậu bạc 12 cái, trầm-hương 960 lạng, tấc-hương 2368 lạng, ngà voi 20 cái, tê-giác 20 cái. Về sau, lễ ấy lại còn bớt, không biết đúng vào năm nào. Cuối biết rằng trong cống-vụ Canh-thân này và cống-vụ lần sau. các lò hương và bình hoa đều được thay bằng 21 nén vàng và 69 nén bạc ; còn ngà voi và sừng tê đều miễn.

### Nhiệm vụ thứ hai : Cáo ai.

Trong khi đang sửa-soạn việc tuế-cống, thì ngày Mậu-tuất, mồng tám tháng sáu nhuận năm Kỉ-mão (1759), Thái-thượng-hoàng mất ở điện Càn-thọ (*Đại Việt Sử-kí Tục-biên*, BSFL chép rõ ngày). Thái-thượng-hoàng tức là vua Vĩnh-hữu, chú vua Cảnh-hưng đang ở ngôi. Nguyên là khi vua Long-đức (Lê Thuần-tông) mất, năm 1735, con còn nhỏ, chúa Uy (Trịnh Giang) đặt em vua lên ngôi, tức là vua Vĩnh-hữu. Năm năm sau (1740). Triều-thân lập kế truất chúa Uy và đem Trịnh Doanh thay, tức là chúa Minh. Chúa Minh lại ép vua Vĩnh-hữu nhường ngôi cho con vua Long-đức (tháng tư năm Canh-thân 1740), tức là Cảnh-hưng.

Việc thay đổi vua thế ấy, chúa Trịnh không hề báo cho vua Thanh biết. Vì vậy trong các công-văn giao-thiệp với triều Thanh trong hơn hai mươi năm đầu đời Cảnh-hưng, vua ta đều xưng *Lê Duy-Vĩ* (vua Vĩnh-hữu) Bấy giờ nhân vua Vĩnh-hữu mất, theo lễ phiên-thần, nước ta phải sai sứ đi báo tin : lễ ấy gọi là lễ *cáo ai*, và nhân đó xin phép cho vua nối được quyền thật-thự làm An-nam quốc-vương. Vậy lễ ấy cũng kiêm lễ *cầu phong*. Các công-văn thuộc lễ cáo ai và cầu phong thì tự-nhiên đứng tên vua Cảnh-hưng : Lê Duy-Đoan. Kì thật thì những tên kí trong các

tấu giãi đều là tên giả. Lệ các triều xưa ở nước ta, mỗi vua có một: *giả húy* để dùng trong khi giao-thiệp với Bắc-triều (3), ý chừng để tỏ ý rằng những lời khiêm tốn trong các công-văn ấy cũng chỉ là tương-đối mà thôi, chứ với tên thật của mình, thì mình là hoàng-đế nước Đại-Việt, chứ không phải là An-ram quốc-vương. Tên thật vua Cảnh-hưng là Lê Duy-Thao. Sau khi vua Vĩnh-hữu mất. Ngày mồng mười tháng sáu nhuận năm ấy (Kỉ-mão 1759), triều-thần đề nghị bốn tên giả: Đoan, Dư, Huyền, Dung (đều bộ Y), ngày 24, chúa Minh chọn chữ Đoan (BSTL).

Vật-lễ cáo-ai này rất đơn-giản, chỉ có ba mươi cân trầm-hương (18, 75 kilo) và bảy mươi cân tấc-hương (43, 75 kilo).

## SỨ THẦN VÀ PHẢI-BỘ.

Theo lệ bấy giờ, sứ thần gồm ba viên, một *chánh-sứ* và hai *phó-sứ* chia bậc thành *giáp-phó-sứ* và *đít-phó-sứ*. Hơn một năm trước khi sứ-bộ lên đường, các tên sứ-thần đã được chọn. Các triều-thần đề-cử sáu người chọn trong hàng *đường-quan* có *đậu* đại-khoa, quan-chức khá cao nhưng tuổi còn mạnh và cốt nhất là có danh-tiếng giỏi văn-từ.

Tháng mười năm Mậu-dần (1758), các phủ-lieu (ở phủ chúa) đã nhắc chúa rằng :

« Năm sau có lễ tuế-cống, lệ phải sai một viên *chánh-sứ*, hai viên *phó-sứ*. Nên giao cho triều-đường bảo-cử » (BSTL).

Ngày 20 tháng ấy, tất cả các quan triều-đường tiến cử hai tên đề chúa chọn làm *chánh-sứ* : Trần Danh-Lâm và Trần Huy-Mật ; lại tiến cử bốn tên khác đề chúa chọn hai người làm *phó-sứ* : Nguyễn Huy-Oánh, Trần Trọng-Đống, Lê Quý-Đôn và Trịnh Xuân-Chú. Ngày 13 tháng chạp, chúa Minh chọn ba vị sau này :

*Chánh-sứ* là Trần Huy-Mật, tiến-sĩ khoa Bính-thìn (1736), bốn mươi lăm tuổi, người làng An-hoạch, huyện Đông-sơn (Thanh-

hoa), đang giữ chức bồi-tụng (dưới chức tham-tụng, dự bàn quốc-sự với chúa), hữu thị-lang bộ Lễ, tước Bái-xuyên hầu.

Giáp phó-sứ là *Lê Quý-Đôn*, bằng-nhẫn khoa Nhâm-thân (1752), ba mươi ba tuổi, đang giữ chức thiêm-sai Binh-phiên (tra-xét việc binh, trực thuộc phủ chúa), hàm Hàn-lâm viện thị-giảng, quê làng Diên-hà, huyện Diên-hà (Hải-dương).

Ất phó-sứ là *Trịnh Xuân-Chú*, tiến-sĩ khoa Mậu-thìn (1748), năm mươi lăm tuổi, quê làng Hoa-lâm, huyện Đông-ngạn (Kinh-bắc), hiện tạm giữ chức tham-chính (coi việc hộ cai-trị một trấn giúp thừa-chính là quan văn đứng đầu trấn) trấn Thanh-hoa, hàm Hàn-lâm viện thị-chế.

Mỗi sứ-thần được đem theo một số *tùy-nhân* theo lệ định, tức là những người mà tự chọn để giúp đỡ các việc vặt trong sứ-trình. Trước lúc đi, các người này hình như chỉ là tư-nhân hoặc là chỉ có hư-hàm. Nhưng lúc xong việc sứ về, thì được trao chức nhậm. Tuy sự ấy, với sự được đi sang Trung-quốc khuyến khí-h người ta, nhưng đường sá xa xôi, và có phần nguy hiểm, cho nên chọn được người hay cũng khó. Ngày 20 tháng giêng năm Kỉ-mão (1759), các sứ-thần phải xin chúa ban chức cho các tùy-nhân trước lúc đi để cõ-vũ chúng. Các tùy-nhân ấy phần lớn chắc là những người khá thân-thuộc với mỗi sứ-thần. Lại có hai người gọi là *môn-tử* của mỗi viên phó-sứ. Chắc đó là bà con thân đệ có kẻ gia-đình hầu-hạ trong lúc đi đường. Theo các tờ kê khai của ba sứ-thần vào tháng tám năm ấy, thì chánh-sứ chọn năm viên tùy-nhân, giáp phó-sứ chọn ba tùy-nhân và một môn-tử, ất phó-sứ cũng vậy. BSL có chép họ tên quê-quán từng người. Cộng tất cả có mười một tùy-nhân và hai môn-tử.

Còn như nhân-viên công-chức dự sứ-bộ thì bởi triều-đường chọn. Tiếng gọi chung là *hành-nhân*. Hành-nhân gồm ba loại: *thông-sự*, chuyên việc thông-dịch trong khi đàm-đạo với quan Trung-quốc, hay đề dịch hiệu-lệnh trong các lễ-nghi, *trung-thư* chuyên việc biên chép các văn-kiện trong khi giao-tiếp, *y-viện* thầy thuốc

đi theo chữa bệnh cho mọi người trong sứ-bộ. Theo những tờ kê ghi trong BSTL, thì thông-sự *Nguyễn Đình-Đảm* đã từng làm việc ở ti *Bắc-ngũ* trong ba năm, hai thông-sự khác là *Nguyễn Đình-Ngạn*, đồng tri-phủ, và viên thủ-hạp *Trương Đình-Tài*. Hai trung-thư *Phí Đình-Chất* và *Đào Đình-Dự* đều là *hoa-văn học-sĩ*. Hai y-viện là *Lê Đình-Giai* chức *tùy nội lương-y chánh*, và *Phạm Đình-Liễn* chức *huấn-khoa*. Cộng được bảy hành-nhân. Nhưng những văn-kiên sau, thì lại thêm hai tên hành-nhân nữa, là *Nguyễn Chu-Viên* và *Chu Đãng-Liên*. Vậy số hành-nhân thật là chín.

Nói tóm lại, sứ-bộ gồm ba sứ - thần, chín hành - nhân, mười một tùy-nhân và hai môn-tử : cộng tất cả hai mươi lăm người.

## HẦU MỆNH BỘ.

Trên đây, chỉ kể những người được phái đến Bắc-Kinh, và chỉ có nhiệm-vụ trên đất Trung-quốc mà thôi. Đến như các sự giao-tiếp với các quan Trung-quốc ở Quảng-Tây để sửa-soạn sứ-trình, đề đệ-đạt các giản tấu, đài-tải cống-vật trên đất nước ta, thì đã có các quan địa-phương và một phái-bộ riêng gọi là *bộ phụng sai hầu mệnh*, Hầu-mệnh-thần gồm ba vị (ngày 29 tháng 8) :

*Phạm Sĩ-Thuyên*, tiến-sĩ khoa Quý-Hợi 1743, chức *Hào-lâm thị-chế*, sáu mươi ba tuổi, quê làng Trung-lập, huyện Đường-hào.

*Nguyễn Xuân-Huyền*, tiến-sĩ đồng khoa với *Lê Quý-Đôn*, chức *giám-sát ngự-sử* ở đạo Kinh-bắc, mới ba mươi hai tuổi, quê làng Hoàng-xá, huyện Thư-tri (năm 1772, làm phó-sứ đi Thanh).

*Tạ Đình-Hoán*, cũng đồng khoa với *Lê Quý-Đôn*, chức *cấp-sự-trung* ở lễ-khoa, 37 tuổi, quê làng Đại-định, huyện Thanh-oai.

Hầu-mệnh-quan cũng đem theo một viên thư-tả, bốn viên thông-sự, một viên y-viện, hai trung-thư và hai *thám-nhi* là nhân-viên đi điều-tra một vài sự muốn biết đề đề-phòng trong khi

giao-thiếp với các viên-chức Quảng-tây, nhưng tìm hỏi họ tên, chức tước, vân vân.

Nhiệm-vụ của hầu-mệnh-quan là lên biên-giới Lạng-sơn, đề chuyển đệ những giản-văn, tấu-văn cho tổng-đốc Lương-Quảng và thu tiếp những công-văn trả lời, hoặc những lời yêu-sách gì của Trung-Quốc. Đến kì sứ bộ sắp lên đường, hầu-mệnh-quan tiếp nhận những cống-vật rồi giao cho nhà chức-trách Trung-Quốc ở Quảng-tây.

Trong sự giao-tiếp với Quảng-tây, nhất là trong khoảng những tháng liền sau khi dự-bị cống-vụ, thì các viên-chức ở Lạng-sơn gánh một phần nặng: hồi bấy giờ đốc-trấn Lạng-sơn là Hương-linh hầu *Mai Thế-Chuân* (người làng Thạch-tuyền, huyện Nga-sơn, đậu tiến-sĩ khoa Tân-Hội 1731), đốc-đồng *Nguyễn Tông-Trình* (quê làng Tả-thanh-oai, huyện Thanh-oai, đậu tiến-sĩ khoa Mậu-Tuất 1754).

Trước khi sứ-thần lên đường, có chỉ truyền bắt các trấn Lạng-sơn và Kinh-bắc sửa-sang cầu đường, bắt phu và lính đề đài-tải và hộ-vệ sứ-bộ và hành-lí. Những viên quan trách-nhiệm ở Kinh-bắc bấy giờ là quan tạm trấn-thủ Cơ-tạo hầu *Phạm Ngô-Cầu*, và đốc-đồng *Tạ Đình-Hoán* cũng là quan hầu-mệnh đã kể trên.

## Hộ cống và thể tương

Đoàn phu chuyên chở các hòm cống vật trên đất nước ta có các quan *hộ cống* cầm quân hộ tống. Ngay 26 tháng mười một năm Kì-mão (1759), chúa chọn hai võ-quan làm việc ấy: cai cơ Hữu-thắng là *Tiền-vũ hầu* và cai cơ Hậu-thắng là *Đôn-cung hầu*. Quân-số hai cơ ấy thiếu nhiều, cho nên chúa phải truyền cáo trấn-quan hai xứ Kinh-bắc và Lạng-sơn phải lấy trấn-binh phụ thêm (BSTL).

Riêng về việc cáo ai, riêng có một phái viên đặc biệt đi cùng bộ Hầu-mệnh tới cửa Nam-quan thay vua và triều-đình

làm lễ, người này gọi là *thế-trương*, do phủ chúa chọn. Mỗi *phiên* (trương-đương với bộ ở triều) đề cử một người trong hàng thư-tả: Lại-*phiên* chọn *Nguyễn Đức-Trình*, Hộ-*phiên* chọn *Đỗ Đình-Dao*, Lễ-*phiên* chọn *Hoàng Trạc-Nhiên*, Binh-*phiên* chọn *Lê Đức-ông*, Công-*phiên* chọn *Nguyễn Đăng-Khoa*, còn Hình-*phiên* không có ai trong hàng thư-tả xứng-đáng, cho nên không cử ai sót (theo tờ kê vào hạ tuần tháng chín năm *Kỉ-mão*). Cuối cùng một mình *Đỗ Đình-Dao* được tuyền nhập bộ *Hầu-mệnh* (theo lời kê mừng mười tháng chạp năm ấy).

## TRỪ BỊ CÔNG-VĂN.

Trước khi sứ-bộ lên đường, nước ta phải giao-thiệp lâu với các viên-chức *Đại-Thanh* ở *Quảng-tây* đề nhờ chuyển đạt lời «xin phép» vào triều-tiến và thu tiếp cống-vật. Vì vậy, ngày 23 tháng chạp năm *Mậu-dần* (1758), đã truyền cho đốc-trấn *Lạng-son* điều tra cho tường-tận họ tên chức tước phẩm hàm từ tổng-đốc *Lương Quảng* đến các tri-huyện có trách-nhiệm trong khi giao-tiếp. Triều-đường lại dặn phải mua một bản lịch *Đại-Thanh* đề đề ngày tháng cho đúng như ở *Trung-quốc*. Thế mới rõ rằng bấy giờ hình như *Đại-Thanh* không làm lễ *ban sóc* (ban lịch) đối với nước ta, nghĩa là mỗi liên-lạc thiên-tử với *phiên-thần* rất lỏng-lẻo. Sự điều-trà này hình như cũng khá gay go: đến tháng hai năm sau mới thấy *Lạng-son* trả lời. Những viên can-hệ là tuần-phủ *Quảng-đông*, tạm lĩnh tổng-đốc *Lương Quảng* là họ *Thác*, tuần phủ *Quảng-tây* họ *Ngạc*, tạm lĩnh đề-đốc *Quảng-tây* họ *Đoàn*, bố-chánh *Quảng-tây* họ *Diệp*, tạm lĩnh tổng-trấn đạo *Tả-giang* họ *Tổ*.

Ngay hôm bốn tháng hai năm *Kỉ-mão* (1759), đứng tên thượng-hoàng (*Lê Duy-Vi*, tức là vua *Vĩnh-hữu*) tư cho tổng-trấn *Tả-giang* nhờ chuyển lời yêu-cầu tổng-đốc *Lương Quảng* tâu về triều đề báo sự sứ-bộ ta sẽ sang tuế-cống và xin hẹn ngày mở cửa quan. Trong các thư từ vãng phục, đều theo thủ-tục trên. Trong thư có lời:

« An-nam quốc-vương vì việc cống, có lời tư rằng :

Xét thấy nước tôi lấy đạo bầy tôi thờ Thiên-quốc, một lòng cung-thuận. Sáu năm hai lệ cống, thường đã kính theo. Kỳ cống Càn-long thứ 21 và thứ 24 đã sắp đến. Đã từng biện đủ cống-vật cả hai lễ. Sứ-thần, tòng-viên đều đã chọn. Đợi đến giữa thu năm nay sẽ khởi trình đề tiến. Vì vậy, có lời báo. May gì ngài nghĩ đến tình ở xa, chuyển rõ đề quan Tổng-đốc tâu về triều. Nếu được bằng lòng cho phép đi, thì nhờ ngài báo trước cho nước tôi, đề vắng lời làm việc cho thỏa lòng cung-thuận...»

Hai tháng sau (29/4), Tả-giang mới báo tin (27 5 mới tiếp) cho biết rằng ngày 20 tháng 4 tòng-đốc Lương Quảng cho hay rằng đã chuyển lời tâu về triều, và còn đợi bộ phúc đáp. Sau này sẽ thấy rằng có chuyện giằng-dai khiến chậm đến tháng 8, bộ mới ứng thuận.

Ấy vì ngày mồng 8 tháng 6 nhuận, thượng-hoàng (giải xưng tại vị đối với vua Thanh) mất. Triều-thần bàn nên theo những việc đòi Cảnh-trị, đòi Dương-đức và nhất là đòi Long-đức thứ 4 (1735), viết giãn cho tòng-đốc Lương Quảng xin cho sứ bộ tuế-cống kiêm cả nhiệm-vụ cáo ai (lời tâu của Huế-trung-hầu coi Hộ-phien) Ngày 27 tháng ấy, lấy lời vua Cảnh-hưng (tên giả là Lê Duy-Đoan), viết thư cho tòng-đốc Lương Quảng. Trong thư có :

« Tự-vương (vua nối ngôi) nước An-nam Lê Duy-Đoan, vì việc cáo ai, thưa rằng :

Nước tôi lấy đạo bầy tôi thờ Thiên quốc, kính cần theo mệnh. Năm nay, gặp kỳ lưỡng cống sắp làm đã kính cần sửa-soạn lễ-vật chọn lựa bồi-thần đề đợi ngày đem tiến. H'i tháng ba, đã từng tư báo quan Tả-giang nhờ chuyển rõ đề quan Thượng-hiến tâu về triều. Nay chưa nhận được lời phúc đáp Không đề ngày mồng 8 tháng 6 nhuận này, vua trước (tiền-vương) nước tôi đã qua đời, trời giao nước cho cháu đệ là Lê Duy-Đoan.

Tôi đây là con trưởng quốc-vương xưa Lê Duy-Hữu, đã tự mình nhận lời chúc-thác, quyền coi việc nước để đợi lệnh triều-đình. Lẽ có cáo-ai theo lẽ, đáng phải liền sai bồi-thần tới kinh tâu. Nhưng trộm xét các năm Khang-hi thứ hai, thứ mười một và năm Ung-chính thứ mười ba, nước tôi cũng có sự cáo-ai trùng với kì tuế-cống, thấy đã từng được quan Thượng-hiến trước cho phụ nhập làm một thể và đã tâu về triều cho Qui-lệ còn đó.

Vì vậy, viết thư này, mong ngài nghĩ đến tình kẻ ở xa mà tâu về cho. Như may được nhận lời, thì báo tin cho nước tôi được theo làm kịp kì cống, để thỏa lòng trông ngóng..

Tư cho quan Thiên-triều Bình-bộ thượng-thư, tòng-đốc Lương Quảng, họ Lí.

Càn-long năm thứ 24, tháng sáu nhuận, ngày hăm bảy.»

Ngày mồng 7 tháng 8, mới được trả lời chấp-thuận sự đã xin từ tháng hai trước: sai sứ tuế-cống, và báo phải theo lệ gửi trước bản cáo của bài biểu tuế-cống, sổ mục cống-vật và danh-sách sứ-thần và tòng-nhân. Cuối tháng ấy, đứng tên vua Cảnh-hưng (tên giả Lê Duy-Đoan), triều-đường viết thư cho tòng-đốc Lương Quảng, và loan-bao cho mọi quan địa-phương trên đường tiến cống biết rằng Thiên-triều đã chấp-thuận cho vào cống. Cũng nhắc lại lời yêu cầu cho phụ việc cáo-ai vào tuế-cống. Rồi, y lời quan nhà Thanh dặn trên, triều-đường gửi hai bản cáo biểu chúc-tựng, hai bản biểu tuế-cống và những bản kê khai cống-vật và danh-sách sứ-bộ. Những bài biểu này làm bằng văn tứ-lục, điền-hình, phù-hoa, sáo-điệu; nhưng đủ lời kiêm cả biểu tuế-cống và biểu cáo-ai. Bắt đầu bài có:

«Kể nối An-nam quốc-vương, tôi là Lê Duy-Đoan, thật sợ, thật hãi, cúi đầu, rạp đầu, kính cần dâng lời:

Phương-vật tuế cống năm Càn-long thứ (một bản đề thứ 21, một bản đề thứ 24), thì chú trước của tôi là Lê Duy-Vĩ đã sắm xong và đã đầu văn xin đem tới Thiên-đình. Không dè, năm Càn-long thứ 24, tháng 6 nhuận, chú trước của tôi qua đời; để mệnh lại giao quốc-sự cho tôi. Nay chính gặp kì lễ cống bắt đầu, tôi

*kinh vâng thánh-đức đời-dào, hoàng-ân ban khắp. Tôi kính giữ phép thường, đề tròn thần-chức. Lòng kính trời ngưỡng thánh rất sau kẻ dẫu xiết. Kính-cần dâng biểu..."*

Năm Càn-long thứ 24, tháng 9, ngày mồng...

Bây tôi nối An-nam quốc-vương là Lê Duy-Đoan dâng biểu.

Ngày 12 tháng 10, mới được tin của đạo Tả-giang báo rằng có chỉ cho phép vào cống (thứ đề ngày 17 tháng 9). Tuy không nói rõ cho phụ cả lễ cáo-ai, nhưng ý chừng là vậy. Trái với ý định ban đầu là khởi trình vào giữa tháng chín, nay triều đường trừ liệu phải đợi sang năm sau.

## THỰC-HÀNH SỨ-MỆNH.

Ngày 28 tháng giêng năm sau, Canh-thìn (1760), sứ-bộ lên đường. Đến cuối năm, ngày mồng 8 tháng chạp mới tới Bắc-kinh. Ở Bắc-kinh non ba tháng, làm trọn các nhiệm-vụ sứ-tần: lễ tiễn biểu và cáo-ai ngày mồng 10 tháng chạp, lễ Triều kiến (lễ chào khi tới) ngày rằm tháng chạp, lễ triều hạ (mừng năm mới) ngày nguyên-đán, lễ yết Văn-miếu (theo lời chúa Minh dặn riêng) ngày mồng 10 tháng giêng năm sau.

Ngày mồng một tháng ba, năm Tân-tị (1761) sứ-bộ lên đường về. Chuyển về chóng hơn khi đi Ngày mồng 9 tháng chạp năm ấy đã về đến Nam-ninh. Theo lệ, sứ-bộ gửi về trước bài khai tường-trình các sự quan-hệ xảy ra trong khi đi về, kể từ Quế-lâm, tỉnh-thành Quảng-tây, đến Bắc-kinh và từ Bắc-kinh về đến Nam-ninh.

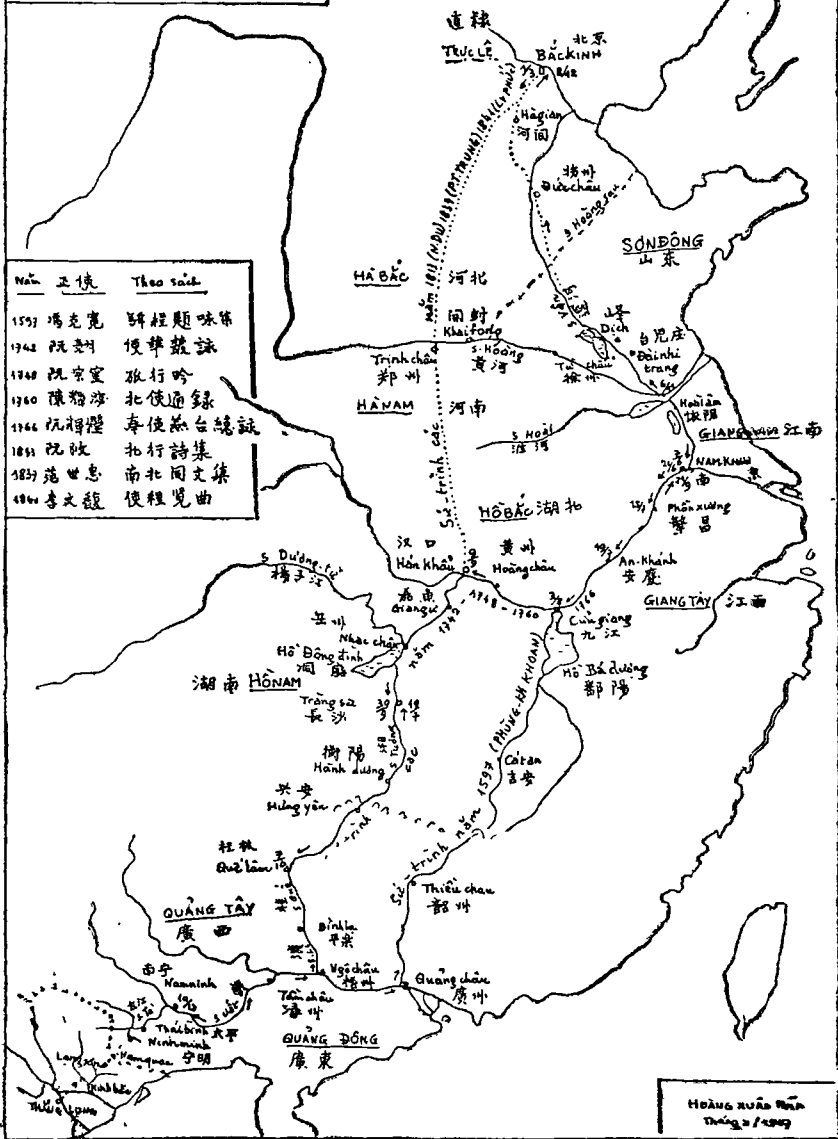
Trái với ý muốn về ăn tết ở đất nhà, sứ-bộ phải đợi ra giêng năm Nhâm-ngọ (1762) mới qua cửa Nam-quan mà về tới Thăng-long.

Sau này, tôi sẽ kể tường-tận những điều ta còn biết về các công-việc ấy nhờ phần còn lại (theo sách chép riêng của tôi) của sách *Bắc-sứ Thông-lục*.

Tóm tắt lại thì vì bằng nguyên-vấn tờ khai của sứ-bộ, nhất là vì bài khai ấy lại làm bằng văn nôm và, vì những lí-do sẽ kể sau, bài ấy lại tự tay Lê Quý-Đôn viết.

Cái văn-kiện ấy quý cho Việt-sử vì tính-cách xác-thật, mà càng quý cho Việt-ngữ vì tính-cách vừa thường-thức vừa công-vụ mà lại khá dài, tôi sao lại theo BSTL mà phiên-âm như sau:

SỰ HÀNH PHÁI-BỘ CANH-THÂN 1760



奉正使入侍陪從。禮部左侍郎沛州侯陳輝濬付使入侍。參差翰祕院侍講。潁城伯黎貴博。侍衛會方備。鄭春澍等謹。啟明祀。皮達閣閣輔御哈。眾碎哪差。郎役官。輔庚辰。胸軀。廣西。省城。時。意。眾碎。苞。固。啟。遊。術。朝。璉。時。遊。秋。胸。意。眾。碎。進。行。定。節。湖。廣。荒。早。湘。江。乾。涸。胸。軀。胸。時。遊。尅。買。璉。長。沙。胸。軀。胸。紅。遊。紅。璉。漢。口。胸。軀。胸。紅。遊。我。璉。南。京。每。節。貢。使。胸。軀。包。璉。帝。時。拱。特。欣。先。胸。期。意。包。斯。冬。天。塘。進。京。群。餘。官。伴。送。督。促。移。胸。遊。胸。時。尅。眾。碎。開。船。渡。長。江。胸。遊。艾。胸。時。秋。濟。黃。河。江。胸。遊。眾。碎。山。東。省。鐸。縣。臺。兒。間。河。水。口。凍。前。路。封。閉。官。地。方。扒。給。人。夫。車。馬。眾。碎。起。行。陸。胸。時。胸。時。胸。時。北京。官。禮。部。朱。吏。目。貝。會。同。館。大。使。兪。戶。出。三。十。里。外。迎。接。昂。使。茹。官。九。門。提。督。少。公。館。於。皇。城。是。日。眾。碎。包。駐。供。帳。整。潔。官。提。督。戶。索。典。分。禮。揖。閱。勞。辛。苦。官。主。客。戶。舒。傳。報。計。閱。陪。臣。姓。名。官。職。達。部。轉。奏。胸。時。遊。眾。碎。進。表。文。奏。本。尼。公。堂。札。部。吸。噴。默。禱。大。紅。袍。進。貢。表。本。未。改。服。官。綠。袍。進。告。哀。事。官。禮。部。右。堂。兪。戶。程。報。浪。先。國。王。服。已。踰。年。不。必。更。服。應。服。大。紅。袍。一。休。捧。進。胸。時。遊。眾。碎。投。呈。文。尼。官。提。督。浪。如。邀。天。恩。著。謚。錫。封。欲。望。特。為。題。達。傳。軒。之。駕。畧。少。舒。徐。於。仲。秋。吉。辰。戒。路。仍。許。貢。使。先。回。報。知。預。備。迎。接。以。孚。恭。順。胸。時。遊。官。禮。部。傳。眾。碎。以。十。五。日。特。頒。朝。見。胸。時。遊。眾。碎。就。鴻。胥。寺。演。札。胸。時。森。除。丑。官。大。使。引。眾。碎。包。太。和。殿。庭。隨。班。行。札。未。吏。衛。公。館。胸。時。遊。眾。碎。哪。據。胸。時。奉。傳。胸。時。余。官。提。督。噴。噴。典。國。子。監。貼。拜。先。聖。余。噴。沾。醜。朝。禮。樂。文。物。官。意。液。役。意。仗。門。盛。文。哪。轉。達。朱。侍。本。年。仕。哈。胸。時。除。夕。吏。傳。抄。演。札。飲。頌。眾。碎。酒。餅。花。菓。辦。辛。已。胸。時。胸。時。正。日。傳。眾。碎。包。朝。賀。除。朱。欽。班。額。墨。公。館。宴。筵。三。卓。胸。時。遊。官。禮。部。傳。朱。眾。碎。抄。謁。文。廟。固。官。博。士。助。教。戶。張。墨。迎。接。引。道。行。札。其。與。制。度。包。卯。固。別。啟。胸。時。胸。時。官。禮。部。報。浪。哪。皇。上。大。德。包。當。注。官。冊。



札部例審辰抄墨遊術。眾碎持浪節尼官冊封包邇耀。眾碎庄敢底護。丕沛一体遊術朝。尋紅  
 遊森眾碎開船進行。做本年本月下旬術典南關。魁節尼眾碎濫粘官中國固惡敬重本國以及  
 其使自駟眾碎進京。湖南北安徽江南山東五省意官總督巡撫。調特委屬僚官員護送。欺  
 起陸辰沿途州縣奔走供應。張幕結綵。欺朝賀辰官內閣六部大臣調就問。有啜獎勞。買  
 如貢使浩高麗貢生浩琉球定眾碎拱哈。書詞徃復。凡辰浪立志忠厚。凡辰浪文物之盛。眾碎  
 調隨事对答。專对罪使臣職分。眾碎庄敢吸來歷煩瀆。眾碎陪臣三員貝行人九名隨人十三名關  
 恤。洪福調特平寧。如們子眾碎拱固耽迎拱調特孟跬奇。眾碎吸明樞。皮遠閣閣輔。茲謹。啟  
 卅

出恭貴博北使通錄 黃春瀚手抄

# TỜ KHẢI CỦA SỨ-BỘ TRẦN HUY-MẬT SANG THANH KHI VỀ TRÌNH CHÚA MINH

(Ngày 11 tháng chạp năm Tân-tị)

(Phiên âm theo bản nôm nguyên-văn)

(Chú ý: Những câu hoặc phần câu toàn bằng Hán-văn sẽ in nghiêng và theo sau có lời tôi dịch in trong dấu ngoặc đơn.

Dấu ba chấm... là dấu ĐÀI, đề tỏ kính trọng đối với chữ đứng liền sau).

«Phụng chánh-sứ nhập-thị bồi-tụng Lễ-bộ tả thị-lang Phái-xuyên-hầu TRẦN HUY-MẬT, phó-sứ: nhập-thị thiêm-sai Hàn-lâm-viện thị-giảng Diêh-thành-bá LÊ QUÍ-ĐỒN, thị-chế Hội-phương-bá TRỊNH XUÂN-CHỨ *đăng, cần... khải* (chúng tôi kính thưa) động lạy... Bề trên muôn muôn năm Ngự hay :

Chúng tôi vâng sai sang việc quan. Năm Canh-thịa tháng năm đến Quảng-tây tỉnh-thành. Ngày ấy, chúng tôi đã có... khải đệ về triều. Đến ngày mười sáu tháng ấy, chúng tôi tiến-hành. Gặp tiết Hồ Quảng hoang-hạ, Trương-giang cạn-khô. Tháng bảy, ngày mười chín mới đến Tràng-sa. Tháng tám, ngày hai mươi hai đến Hán-khâu. Tháng chín, ngày hai mươi một đến Nam-kinh.

Mọi tiết cống, sứ trong tháng bảy đã đến đấy thì cũng được hơn một tháng. Kì ấy đã gần đông-thiên. Đường tiến Kinh còn xa ; quan bậu-tổng đốc-suất đời.

Tháng mười, ngày rằm chín chúng tôi khai thuyền, *độ Trường-giang* (qua ngang sông Dương-tử). Tháng mười một, ngày mồng sáu, *lễ Hoàng-giang* (hà ? qua ngang Hoàng-hà). Ngày mười bốn đến Sơn-đông-tích Dịch-huyện Đài-nhi-quan (áp ?) *Hà băng khâu đồng, tiền đồ phong áp* (Cửa sông giá đồng, cống đường thủy tiến Kinh bị tắc nghẽn) Quan địa-phương *bát-cấp nhân phu xa mã* (cấp cho phu gánh, xe, ngựa).

Chúng tôi khởi hành lục (bắt đầu đi đường bộ). Tháng chạp, ngày mồng tám đến Bắc-kinh.

Quan Lẽ-bộ cho lại-mục với Hội-đồng-quán đại-sứ là họ (sót chữ) xuất tam thập lí ngoại nghinh-tiếp (ra ngoài thành ba mươi dặm đón tiếp); vâng thiết nhà quan Cửu-môn đề-đốc làm công-quán ở Hoàng-thành. Thị-nhật (ngày ấy), chúng tôi vào trú. Cung trưởng chỉnh-khiết (phòng trú bày biện chỉnh-tề sạch-sẽ). Quan đề-đốc họ SÁCH đến làm lễ trấp vấn lão tân khê (chào hỏi đi đường khó nhọc ra sao).

Quan chủ-khách họ THU truyền báo kê khai bồi-thần tính danh quan chức đạt bộ chuyển tấu (kê khai họ tên, quan-chức các sứ-giả, đưa lên bộ Lẽ chuyển tâu).

Ngày mồng mười, chúng tôi tiến biểu-văn tấu-bản nơi công-đường Lẽ-bộ, gửi xin mặc áo đại-hồng-bào tiến cống-biểu-bản, rồi cải phục quan-lục-bào tiến cáo-ai sự (?) Quan Lẽ-bộ hữu-đương (hữu thị-lang ?) là họ TRINH báo rằng: «... Tiên quốc-vương phục dĩ du niên, bất tất canh phục. Ưng phục đại-hồng-bào nhất thể bồng tiến». (Tang quốc-vương trước đã quá một năm rồi, thì bất tất phải thay áo. Nên cứ mặc đại-hồng-bào luôn tiện mà dâng biểu cáo-ai).

Ngày mười một, chúng tôi đầu trình-văn (ộp tờ trình) nơi quan đề-đốc rằng: «Nhu yếu... Thiên ân trước nghị tích phong, dục vọng đặc vi đề đạt. Tỉ du-hiên chi giá lược thêu thư-từ; trọng thu cát thì giới lộ. Nhưng hứa cống-sứ tiên hồi bảo tri dự bị nghinh tiếp, dĩ phu cang thuận» (Như điều trộm được ơn Trời đã định ban phong, thì muốn nhờ Ngài vì chúng tôi tâu lên xin đề xe thiên-sứ hãy khoan khoan, đến tiết giữa thu, nhằm giờ tốt mới lên đường. Và nhân đó cho cống-sứ chúng tôi về trước báo tin đề sửa soạn nghinh tiếp. Như thế cho thỏa lòng cung-thuận) \*

---

\* Thiên-sứ là sứ vua Càn-long sẽ sai sang phong vương cho vua Cảnh-hưng.

Ngày ba mươi, quan Lễ-bộ truyền chúng tôi: « *Di thập ngũ nhật đặc ban triều kiến* » (Định chọn ngày rằm đặc-biệt cho làm lễ triều-kiến).

Ngày mười bốn, truyền: « *Tựu Hồng-lô-tự diễn lễ* » (Tới sở Hồng-lô-tự tập làm lễ). Ngày rằm, giờ Sửu (ba giờ sáng ngày nay), quan đại-sứ dẫn chúng tôi vào *Thái-hòa-điện đình*, tùy *ban hành lễ* (vào sân điện Thái-hòa, theo ban-thứ chức tước mình mà đứng làm lễ lạy). Rồi lại về Công-quán.

Ngày mười bảy, chúng tôi vâng cứ trong *phụng truyền* (lời chúa Trịnh dặn), nói *mấy* (với) quan đề-đốc xin đến Quốc-tử-giám chiêm bái... *Tiên-thánh* (tức Khổng), *mấy* (với) xin xem trong triều lễ nhạc văn vật. Quan ấy rằng « *Việc ấy nho-môn thịnh vẫn* (điều đẹp của nhà nho). Vâng chuyền đạt cho. *Đãi lai-niên* (đợi năm sau) sẽ hay. »

Ngày trừ-tịch (cuối năm) lại truyền đi diễn lễ. *Khâm ban* chúng tôi *từu bình hoa quả* (vua cho chúng tôi rượu bánh hoa quả).

Năm Tân-tị (công-lich 1761), tháng giêng, ngày chính-đán (đầu năm), truyền chúng tôi vào triều-hạ (lễ chúc năm mới lên nhà vua). Chờ cho khâm ban. Ban ra Công-quán *yển diên tam trác* (cổ bàn ba mâm).

Ngày mồng mười, quan Lễ-bộ truyền cho chúng tôi đi yết... Vãn-miếu. Có quan bác-sĩ trợ-giáo họ TRƯỞNG ra nghinh tiếp, *dẫn-đạo hành lễ* (bày vẽ cách làm lễ). Khi *điền chế-độ* đã vâng có *biệt khải* (tờ trình riêng).

Tháng hai, ngày mồng hai quan Lễ-bộ báo rằng: « *Vâng.. Hoàng-thượng đại-đức đã chuẩn-sai quan sách-phong truyền các nha-môn kê chức danh lên đề khâm điểm* (vua chọn). Song công-sứ có trình-văn xin quan Khâm-sứ thu-tiết khởi trình, ấy cũng là lòng cung thuận. *Đã nghị chuyền tống y cho.* »

Ngày hai mươi lăm, truyền chúng tôi vào Ngọ-môn, *khâm*

thụ ban thưởng thẻ đoạ các thất (nhận vua ban thưởng cho các tấm lụa màu và đoạ).

Ngày hai mươi lăm, truyền tứ yển công-đường Lã-bộ (ban tiệc ở công-đường bộ lễ). Giờ Thân (ba giờ chiều ngày nay), Quang-lộc-tự lại đệ khâm ban yển-diên mười hai trác đến Công-quán.

Ngày hai mươi tám, Lã-bộ đường lại mời đệ tư-vấn việc tuế-cống, tứ phong, tứ xuất (cống đều năm, vua Thanh phong tước cho vua Lê và chia buồn về việc tang), ban thưởng, cộng sáu sáu (hộp).

Tháng ba, ngày mồng một chúng tôi phụng... chỉ hồi quốc (vâng ý vua Thanh cho về nước).

Ngày trước, đã gửi quan đề-đốc xin về độ nhị-nguyệt thượng-tuần. Quan ấy rằng: « Quan khâm-sai bạn tống (viên được vua Thanh sai đi kèm tiến cống-sứ) họ TẦN có lời khát hoãn ». Cho nên phải đợi đến tháng ba ngày ấy mới được khởi trình (lên đường).

Tháng sáu, ngày mồng bảy đến Nam-kinh.

Ngày hai mươi một tiến hành. Tiết ấy phong vũ chẳng thuận. Với châu-nhân (người phụ-trách thuyền) buôn bán tư hóa (hàng riêng); sở chỉ đăm các (đến đâu cũng thích dừng lại). Chúng tôi lụy thứ (nhiều lần) trình quan khâm-sai bạn-tống họ TẦN xin đốc-xúc tiến-trình. Song quan ấy cũng tuần tình nhất hướng trì trễ (chiều lòng một mực chậm trễ).

Tháng chín, ngày mồng chín mới đến Hán-khâu, thì nghe quan Khâm-sai sách-phong (viên được vua Thanh sai đi phong tước cho vua Lê) chánh-sứ là họ ĐỨC, phó-sứ là họ CỔ khởi lục xuất Kinh (lên đường bộ dời khỏi Bắc-kinh) những đầu tháng tám, ngày hai mươi sáu đến đây, ngày hai mươi bảy ra Quảng-tây. Chúng tôi đi thủy-lộ chẳng thẻ theo làm sao kịp.

Tháng mười, ngày mồng bảy chúng tôi đến Quảng-tây tỉnh-thành. Viện lệ, đầu giản (nộp thư) xin quan phủ-viện (tuần-phủ,

thủ-biến tình) họ HÙNG tiên hành tư đầu báo, thả hành bài quan Tả-giang-đạo chuẩn cấp phu mã cho tiền lộ dự hồi báo tin (gửi tờ tư về nước ta báo tin sự cống-sứ đã về đến đó trước khi sứ khởi hồi, và gửi tờ sai quan coi đạo Tả-giang vắng cấp phu và ngựa cho những viên tiền-lộ của sứ-bộ sảo-sàng về nước báo tin).

Ngày mồng chín, quan phủ Quế-lâm xuống khám thuyền.

Ngày mười một, quan phủ-viện tống tư-vấn cho.

Kì trước, chúng tôi tiến quan (sắp qua cửa Nam-quan) với vào chi-kiến (gặp đề chào) quan Nam-ninh, thì nó cũng chiếu cụ-lệ, nó xưng rằng : « Di-quan kiến » - (quan rợ ra mắt) - Kì này, chúng tôi cũng có đầu văn nơi quan phủ-viện đạo-đạt tình-diêu xin hành văn đạo, phủ, hễ nghi-chú văn-thư, đình DI QUAN tự — (kể rõ ý thắc-mắc, xin gửi tờ sức cho các đạo, phủ rằng phạm trong nghi lễ, văn thư sẽ thôi dùng chữ di-quan — nghĩa là quan rợ). Tối hôm ấy, quan bổ-chánh họ DIỆP truyền hai quan bạn-tống với thông-sự (thông-ngôn) lên công-đường; trước hỏi : ủy vấn cống-sứ nhất lộ tân khồ (hỏi thăm cống-sứ chuyển đi này dọc đường cay đắng khó nhọc ra sao). Sau lấy trình-văn bảo rằng :

« Nghiện cá thậm hảo, thuyết đắc hoạt 11 (Cái này rất hay, nói rất là diệu). Đạn cò ngữ vân : Thuấn sinh ư Gia-phùng, đông-di chi nhân dã ; Văn-vương sinh ư Kì-chu, tây-di chi nhân dã (Nhưng lời xưa nói : vua Thuấn ở Gia-phùng, là người rợ bên đông; vua Văn-vương sinh ở Kì-chu, là người rợ bên tây). Di tự nguyên phi khinh mạn quý quốc (Chữ Di vốn không đề khinh nhờn quý-quốc). Kim sứ-thần dĩ thử vi ngôn, dĩ mộng phủ-đài chuẩn doãn, hành nhất giác công-văn, truyền Tả-giang-đạo cấp các phủ, tự hầu đình hồ Di tự ; xưng An-nam-quốc sứ (Nay sứ-thần đã đem sự này bày tỏ nên lời, thì đã được nhờ ơn quan Tuần-phủ bằng lòng nghe. Đã gửi một ống công-văn truyền cho đạo Tả-giang và các phủ, dặn từ rày về sau đừng hồ chữ Di nữa, và xưng là Cống-sứ nước An-nam). Sứ khả hồi khả Quốc-vương tri đạo (Sứ có thể về nước thưa với Quốc-vương được rõ »

Ngày mười hai, chúng tôi lên tạ, *thả từ hành* (và từ già đề về). Lại hỏi đường-quan *đầu công-văn* ấy (đã gửi công văn hứa trên chưa?). Nó bảo rằng: «Quan bổ-chánh *chuyên trường* (bảo rõ ràng) quan phủ-viện truyền báo sang quan tổng-đốc Quảng-đông, *mấy hành-hạ văn di tự kim chước chữ DI QUAN* (và ban hành đi các nơi tờ văn bảo từ rày bỏ chữ quan rợ).

Tháng chạp, ngày mồng mười đến Nam-ninh. Ngày mười ba chúng tôi cho thông sự NGUYỄN ĐÌNH-NGAN, *trung thư* (thư-ki) ĐÀO ĐANG-DỰ *mấy* (với) hai *tùy-nhân* (tùy-phái) *gãng* (hãng) về tiền-lộ đệ.. *khải* với tư-vấn quan phủ-viện về triều. Bằng (còn như) công-văn quan Lễ-bộ, *lệ thăm* (đáng theo lệ) thì sao ra đệ về. Song chúng tôi nghĩ rằng tiết này quan sách-phong đã sang trước, chúng tôi chẳng dám đề hoãn; vậy nhất-thê đệ về triều.

Ngày mười lăm, chúng tôi khai thuyền tiến hành Phòng *bản-nguyệt hạ tuần* (hạ-tuần tháng chạp — thật ra thì sự ước-đoán này sẽ không đúng, như sẽ thấy sau trong nhật-ki của Lê Quí-Đôn) về đến Nam-quan.

Và tiết này, chúng tôi trộm xem quan Trung-quốc có lòng kính trọng bản-quốc, *di cập kì sử* (vì đó kính trọng đến cả sử-thần ta). Từ ngày chúng tôi tiến Kinh, Hồ-nam, Hồ-bắc, An-huy, Giang-nam, Sơn-đông, ngũ tỉnh ấy, quan tổng-đốc, tuần-phủ đều *đặt-ủy* thuộc-liều, quan-viện hộ-tống. Khi *khởi lục*, thì *duyên đờ*, *châu huyện bốn-tầu cung-ứng*, *trương mạc kết thê* (khi lên đi đường bộ thì dọc đường, các quan châu và huyện chạy cung cấp đồ ăn đồ dùng, trương màn kết vải màu để đón rước-), Khi vào triều *hạ* (chầu mừng vua Càn-long) thì quan nội-các, lục bộ đại-thần đều *tự vấn*, *hữu lời tường-lạo* (tới hỏi thăm, có lời khen-khong và *ủy-lạo*).

Mấy (với) như công-sứ Cao-li, công-sinh nước Lưu-câu, gặp chúng tôi cũng hỏi-han, thư từ vãng phục. Kể thì rằng *«lập chi trung hậu»*, kể thì rằng *«Văn-vật chi thịnh»*. Chúng tôi đều tùy sự

đối-đáp. *Chuyên đối* (tùy hỏi mà đáp) là sứ-thần chức-phận, chúng tôi chẳng dám gửi *lai-lịch phiền-độc* (thưa dai-dẳng nhằm tai).

Chúng tôi *bồi-thần tam viên*, với *hành-nhân cứu danh*, *tùy-nhân thập tam danh* (ba sứ-thần, chín phái-viên, mười ba tùy-phái) muôn nhờ... hễng-phúc đều được bình-ninh. Như *môn-tử* (con em) chúng tôi cũng có đem sang, cũng đều được mạnh khỏe cả.

Chúng tôi gửi động lạy... Bề trên muôn muôn năm.

Tư cần... khải (nay kính... thưa)

(Còn nữa)

**Sứ-Địa số 7** đặc khảo về Phan Thanh-Giản và sự thất thủ ba tỉnh miền Tây.

Sứ-Địa rất mong được sự đóng góp của quý độc giả.

Quý độc giả nào có tài liệu hay bài viết về Phan Thanh-Giản, xin liên lạc với tòa soạn trước tháng 8-1967.

## Cáo lỗi

Vì lý do kỹ thuật ấn loát, không có chữ và dấu riêng cho ngữ học, nên chúng tôi chưa thể đăng tiếp bài «*Lễ Kỵ Ông Bà ngày Tết của người Chăm Bà la Môn ở Bình Tuy*» của Nguyễn bặt Tuy. Xin quý bạn đọc nhất là tác giả thứ lỗi.

Vật giá leo thang tới hơn 100%, các tập chí bắt buộc phải tăng giá. Số trang **Sứ Địa** lại nhiều, nên kỳ này chúng tôi xin tặng 40\$ một cuốn. Mong quý bạn đọc thông cảm những khó khăn của **Tập San**.